

Bản án số: 82/2019/DS-PT  
Ngày: 29 - 10 - 2019  
“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phồn

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Thi  
Ông Phạm Văn Phần

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Hạnh Tịnh; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 “*về việc tranh chấp hợp đồng dân sự*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1957. Có mặt

Trú tại: xóm A, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đình N, sinh năm 1976. Có mặt

Nơi cư trú: xóm 5, xã D2, huyện Di, tỉnh Nghệ An

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Vũ Đình N

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2018, đơn khởi kiện sửa đổi cùng ngày và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hải Đ trình bày:

Ông quen anh Vũ Đình N thông qua ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1955, trú tại xóm A, xã D1, huyện D, Nghệ An. Ngày 11/8/2015, anh N đi cùng ông Q đến gia đình ông và tự giới thiệu là người xin được việc làm cho con gái của ông (chị Nguyễn Thị Ngọc T) vào làm việc tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An với chi phí xin việc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ông đã có 03 lần giao tiền cho anh N với tổng số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Lần thứ nhất, vào ngày 12/8/2015, số tiền giao 50.000.000 đ; lần thứ hai vào ngày 17/8/2015 số tiền giao 40.000.000đ; lần thứ ba vào ngày 07/9/2015 số tiền giao 60.000.000đ và anh N đã viết Giấy nhận tiền ngày 07/9/2015 đã nhận tổng cộng 150.000.000 đồng từ ông Đ.

Sau khi nhận đủ số tiền nói trên, anh N hứa hẹn với gia đình ông 45 ngày sau, cháu T sẽ nhận được quyết định vào làm việc tại Bệnh viện sản nhi Nghệ An, nếu không xin được anh N sẽ trả lại đầy đủ số tiền cho gia đình.

Nhưng sau đó, anh N đã đưa giấy tờ giả cho con gái ông để đi thi công chức thì bị gia đình ông phát hiện. Do không xin được việc cho con gái ông nên ông Đ đã nhiều lần đòi anh N trả tiền, nhưng anh N không trả. Ngày 01/02/2016, ông đã làm đơn tố cáo anh N gửi Công an huyện Diễn Châu. Quá trình làm việc tại công an, vào ngày 29/5/2017, anh N đã trả cho ông số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và Công an huyện Diễn Châu đã ra Quyết định không khởi tố vụ án.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh N trả nợ cho ông số tiền gốc 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Tiền lãi 60.550.000đ (Sáu mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), bao gồm tiền lãi của 150.000.000 đồng x 16 tháng (kể từ ngày nhận tiền xin việc đến ngày trả 60.000.000đ) x 2.350.000đ/tháng = 37.600.000đ và tiền lãi của 90.000.000đ x 17 tháng (tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày nộp đơn cho Tòa án là ngày 14/11/2018) x 1.350.000đ/tháng = 22.950.000đ. Tổng cộng 150.550.000đ (Một trăm năm mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Hiện nay, ông không có khiếu nại gì về Quyết định không khởi tố vụ án của Công an huyện Diễn Châu.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Đình N trình bày:*

Anh và Phan Văn T1 có mối quan hệ bạn bè, năm 2015 anh có gặp anh T để nhờ mua thuốc chữa bệnh cho người nhà thì anh T nói với anh đợt này có thi tuyển công chức vào Bệnh viện sản nhi Nghệ An, có người nhà con cháu thì để anh T giúp cho. Qua quen biết với ông Nguyễn Đình Q, anh N gặp ông Đ có con gái mới ra trường cần xin việc làm.

Anh thừa nhận có nhận của ông Đ số tiền 150.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) để xin việc cho Nguyễn Thị Ngọc T (con gái của ông Đ) vào làm việc tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của ông Đ thì anh đã chuyển toàn bộ số tiền cho anh Phan Văn T1, sinh năm 1982, nơi cư trú: xóm Thanh Thủy, xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An để anh T lo việc cho cháu Ánh. Việc anh chuyển tiền cho anh T thể hiện qua hai biên lai chuyển tiền qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Diễn Châu đến tài khoản 101010000599606 của anh Phan Văn T1 vào khoảng tháng 8-9/2015, lần đầu chuyển 100.000.000 đồng, lần thứ hai chuyển 70.000.000đ, tổng cộng số tiền anh chuyển cho anh T là 170.000.000 đồng trong đó tiền xin việc cho cháu Ngọc Ánh là 150.000.000đ, còn 20.000.000đ là tiền anh trả tiền mua thuốc.

Sau khi ông Đ làm đơn tố cáo đến Công an huyện Diễn Châu, anh đã nhận lại 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) từ Phan Văn T1 và trả cho ông Đ. Nay ông Đ yêu cầu anh trả số tiền còn lại là 90.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì anh chỉ nhận số tiền của ông Đ để đưa cho Phan Văn T1 lo việc cho cháu Nguyễn Thị Ngọc T chứ anh không lấy tiền hay lừa đảo gì gia đình ông Đ.

*Theo bản tự khai và tài liệu do Công an huyện Diễn Châu cung cấp, Người làm chứng ông Nguyễn Đình Q trình bày:*

Ông có quen biết với anh Vũ Đình N, vì vào năm 2012 ông đã nhờ anh N xin việc cho con dâu của ông nhưng sau đó do con dâu ông đã xin được việc khác nên ông không nhờ nữa. Giữa ông và ông Nguyễn Hải Đ có quan hệ họ hàng, ông biết ông Đ có con gái là cháu Nguyễn Thị Ngọc T vừa tốt nghiệp Đại học Y nhưng chưa xin được việc làm. Nên ông đã gọi điện thoại hỏi anh N có xin được việc cho con gái của ông Đ không thì anh N nói xin được. Ngày 11/8/2015, anh N đã đến nhà ông để hỏi về trường hợp của cháu T nên ông đã dẫn anh N đến nhà ông Đ, tại đây anh N đã trao đổi với ông Đ về xin việc cho con gái ông Đ. Ngày 12/8/2015, ông dẫn ông Đ đến nhà anh N và ông Đ đã giao cho anh N số tiền 50.000.000đ, anh N hứa xin được việc cho con ông Đ. Sau này, ông Đ có đưa thêm 100.000.000đ cho anh N nhưng ông không đi cùng ông Đ. Sau khi cháu T thi xong công chức nhưng không đậu, ông Đ đã nhiều lần yêu cầu anh N trả tiền nhưng anh N chưa trả.

*Tài liệu, chứng cứ thu thập được từ cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Diễn Châu, thể hiện:* Lời khai của chị Nguyễn Thị Ngọc T: chị là con gái của ông Nguyễn Hải Đ. Các ông Q, ông Ngân vào nhà chị, giới thiệu và hứa xin việc cho chị với giá 150.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Chị đi thi công chức vào Bệnh

viện Sản Nhi Nghệ An nhưng không được tuyển dụng và qua tìm hiểu biết được việc ông N lừa nên bố chỉ là ông Đ đã làm đơn tố giác gửi Công an huyện Diễn Châu.

*Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm, xác định anh Phan Văn T1 hiện nay đang chấp hành án 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tại Biên bản ghi lời khai của Phan Văn T1 do Công an huyện Diễn Châu cung cấp, anh T trình bày: Anh và anh Vũ Đình N có quen biết nhau từ trước, do biết khoảng tháng 9 năm 2015 có đợt thi tuyển công chức vào Bệnh viện sản nhi Nghệ An nên anh đã nói với anh N nếu có người nhà muốn xin vào bệnh viện thì nhận giúp với giá 150.000.000 đồng. Sau đó, anh N đã tìm được cháu T là con của ông Đ có đủ tiêu chuẩn xin vào bệnh viện sản nhi.*

Anh thừa nhận có nhận từ anh Vũ Đình N số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) do anh N chuyển khoản vào số tài khoản của anh tại ngân hàng với mục đích xin việc cho cháu T vào Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An nhưng không được. Nên ông Đ đã làm đơn tố cáo nên anh đã trả lại cho anh N 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) để anh N trả lại cho ông Đ. Số tiền còn lại trong quá trình chạy xin việc cho cháu T, anh đã đưa cho một số người làm việc tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An và Sở Y tế.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Diễn châu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự  
Các điều 128, 137, 256, 410 Bộ luật dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011; Nghị quyết 326/2016/QH về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc anh Vũ Đình N có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hải Đ số tiền gốc 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng);

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc anh N phải trả lãi suất 60.550.000 đồng (sáu mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/7/2019, Bị đơn anh Vũ Đình N kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh phải trả cho ông Đ số tiền 90.000.000đ là không đúng vì theo đơn khởi kiện, ông Đ nói anh đưa giấy báo thi giả và nói anh vào nhà hứa xin việc cho con ông Đ là không đúng. Thực chất là anh đã đưa bố con ông Đ đến nhà gặp Phan Văn T1 để trao đổi trực tiếp các thủ tục thi công chức và các giấy tờ là do anh

T trực tiếp gửi về cho gia đình ông Đ chứ anh không biết. Số tiền ông Đ đưa cho anh, anh đã chuyển tiền cho Phan Văn T1 qua Ngân hàng. Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, không chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn là ông Nguyễn Hải Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Vũ Đình N, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Đình N kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo đầy đủ nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bà Vũ Thị Hồng – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An chi nhánh số 1, từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn do ông Nguyễn Hải Đ không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định. Tại phiên tòa, ông Đ nhất trí và không có ý kiến gì.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa anh Vũ Đình N và Phan Văn T1 có mối quan hệ quen biết từ trước nên Tuấn đã nói với anh Nếu có người nhà muốn xin vào bệnh viện thì nhận giúp với giá 150.000.000 đồng. Qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Đình Q, anh Vũ Đình N đã đến nhà gặp ông Đ để thỏa thuận về nội dung xin việc cho cháu Nguyễn Thị Ngọc T là con gái của ông Đ vào Bệnh viện sản nhi Nghệ An. Vì mong muốn tìm việc làm cho con gái nên ông Đ đã giao tiền cho anh N03 lần với tổng số tiền 150.000.000đ. Lần thứ nhất, vào ngày 12/8/2015, số tiền giao 50.000.000 đ (Theo giấy nhận tiền do anh N viết và ký vào ngày 12/8/2015); lần thứ hai vào ngày 17/8/2015 số tiền giao 40.000.000đ; lần thứ ba vào ngày 07/9/2015 số tiền giao 60.000.000đ và anh N đã viết Giấy nhận tiền đề ngày 07/9/2015 với nội dung: anh đã nhận tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng từ ông Đ, anh cam kết sẽ hoàn lại toàn bộ số tiền cho gia đình ông Đ nếu không xin được việc như đã hứa

Sau khi nhận tiền từ ông Đ, anh N đã chuyển toàn bộ số tiền trên cho Phan Văn T1 thông qua tài khoản của anh T tại ngân hàng để xin việc cho cháu T con gái ông Đ vào làm tại Bệnh viện sản nhi Nghệ An. Do không xin được việc cho cháu T nên ngày 01/12/2016, ông Đ đã làm Đơn tố cáo gửi Công an huyện Diễn Châu. Quá trình điều tra tại Công an huyện Diễn Châu, Phan Văn T1 đã trả cho anh N 60.000.000đ và anh N đã trả lại 60.000.000đ cho ông Đ. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu anh N trả lại cho ông số tiền 90.000.000 đồng được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh Vũ Đình N về việc không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc anh phải trả cho ông Đ số tiền 90.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thỏa thuận về dùng tiền để xin việc giữa ông Đ và anh N là giao dịch dân sự bất hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng, các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, đều nhận thức được việc tuyển dụng công chức phải được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về xét tuyển hoặc thi tuyển, việc dùng tiền để chạy công chức là hành vi vi phạm pháp luật. Anh N là người không có thẩm quyền cũng như chức năng về tuyển dụng công chức. Vì vậy đây là giao dịch dân sự vô hiệu do các bên đã vi phạm điều cấm của pháp luật.

Mặc dù, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, anh Vũ Đình N và Phan Văn T1 đều thừa nhận sau khi nhận tiền từ ông Đ thì anh N đã chuyển toàn bộ số tiền 150.000.000đ vào tài khoản của T qua ngân hàng để T xin việc cho cháu T; anh N chưa được hưởng lợi gì từ hành vi hứa xin việc nêu trên. Tuy nhiên, anh N là người trực tiếp thỏa thuận, hứa hẹn với ông Đ về nội dung xin việc cho chị Nguyễn Thị Ngọc T (là con gái của ông Đ) vào Bệnh viện sản nhi Nghệ An. Việc anh N quen biết ông Đ là do ông Nguyễn Đình Q vì tin rằng anh N xin được việc cho cháu T nên mới giới thiệu. Hơn nữa, việc anh N ký nhận số tiền của ông Đ thì anh N đều ghi rõ là “*nếu có vướng mắc/ trục trặc gì thì tôi chịu hoàn lại cho gia đình số tiền trên đây đủ*”; trong giấy nhận tiền không phản ánh nội dung nào về việc anh N nhận tiền để giao lại cho anh T xin việc cho chị T. Tại Biên bản lấy lời khai do Công an huyện Diễn Châu cung cấp, anh N thừa nhận “*Tuấn đã trả 60.000.000đ cho tôi và tôi đã trả cho anh Đường 60.000.000đ. Số tiền còn lại 90.000.000đ tôi còn chưa trả được cho anh Đường, tôi có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Đường*” (Bút lục số 88) “Tôi không có khả năng xin việc nhưng vì tin anh T nên đã nhận tiền từ anh Đường và tôi sẽ trả lại số tiền trên lại cho gia đình” (bút lục số 90). Mặt khác, ông Đ không biết việc anh N chuyển tiền cho Phan Văn T1, ông Đ cũng không đồng ý

chuyển giao nghĩa vụ của anh N cho Tuấn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hải Đ về việc buộc anh Vũ Đình N phải trả nợ cho ông số tiền 90.000.000 đồng là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, anh N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của anh về việc bác yêu cầu của người khởi kiện, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Việc anh Vũ Đình N sau khi nhận tiền đã giao toàn bộ số tiền 150.000.000đ cho Phan Văn T1 thì anh N có quyền khởi kiện yêu cầu anh T trả lại cho anh bằng vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn – anh Vũ Đình N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

Các điều 128, 137, 256, 410 Bộ luật dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc anh Vũ Đình N có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hải Đ số tiền gốc 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng);

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc anh N phải trả lãi suất 60.550.000 đồng (sáu mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)

*\*Về Án phí:*

+ Án phí sơ thẩm: anh Vũ Đình N phải chịu 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm 3.027.500đ (ba triệu không trăm hai mươi bảy ngàn đồng) cho ông Đ do ông Đ là người cao tuổi.

+ Án phí phúc thẩm: anh Vũ Đình N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng là số tiền mà anh N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004738 ngày 01/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND, TAND, Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đăng Phôn**